



cáng shū

藏书

noun · book collection

Example Sentences

Tā de cáng shū hěn duō

他的藏书很多。

His book collection is large.

Tú shū guǎn de cáng shū chāo guò yī bǎi wàn cè

图书馆的藏书超过一百万册。

The library's book collection exceeds one million volumes.

Trace each character, then write the word on your own.

藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏
藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏		

书	书	书	书	书	书	书				
